

Bản án số: 990/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý.

Bà Nguyễn Thị Bích.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1444/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2676/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh C. (Có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh D, sinh năm: 1967; địa chỉ: Văn phòng Luật sư E, số 242A đường F, Phường G, tỉnh H. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 872/55 đường I, Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Mạnh H chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04 của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh C cấp ngày 27 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống cũng như cách làm kinh tế. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột nhau. Vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H nữa. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Bà L xác nhận cả hai có 01 con chung tên là Lê Quốc V, sinh ngày: 20/8/2012. Khi ly hôn bà Lâm Thị L đồng ý giao con chung cho ông Lê Mạnh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Lâm Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Thanh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là ông Lê Mạnh H: Tại bản tự khai ngày 04/6/2025, ông H ghi nhận sẽ có bản khai cụ thể nộp cho Tòa án sau nhưng ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không ghi nhận ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Lâm Thị L được ly hôn với ông Lê Mạnh H; về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Quốc V, sinh ngày: 20/8/2012 cho ông Lê Mạnh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 04 của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh C cấp ngày 27 tháng 01 năm 2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị L và ông Lê Mạnh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn là ông Lê Mạnh H thực tế cư trú tại phường K, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Lâm Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ bị đơn ông Lê Mạnh H đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa xét xử vụ án (ngày 05/9/2025 và ngày 30/9/2025) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lâm Thị L và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Thanh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lâm Thị L và ông Lê Mạnh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh C nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị L và ông Lê Mạnh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do đó bà L yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H chỉ đến Tòa án tham gia tự khai một lần và không ghi nhận ý kiến. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Mạnh H đến Tòa án để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, cũng như không nộp cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu của mình về việc

giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thể hiện ông H không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà L và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị L là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh và lời khai của bà Lâm Thị L xác định được: Cả hai có 01 con chung tên là Lê Quốc V, sinh ngày: 20/8/2012. Bà đồng ý giao con chung cho ông Lê Mạnh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trẻ Quốc V đủ 18 tuổi. Mặt khác, trẻ Quốc V đang sinh sống cùng với ông H và theo nguyện vọng của trẻ là muốn được ở với ba. Nhằm tạo điều kiện cho trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ tên là Lê Quốc V, sinh ngày: 20/8/2012 cho ông Lê Mạnh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Lâm Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Lâm Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Lâm Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị L được ly hôn với ông Lê Mạnh H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 04 của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh C cấp ngày 27 tháng 01 năm 2011 hết hiệu lực).

- Về con chung: Ông Lê Mạnh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Quốc V, sinh ngày: 20/8/2012. Bà Lâm Thị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Bà Lâm Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lâm Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Lâm Thị L phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0057953 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp,

Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lâm Thị L còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bà Lâm Thị L và ông Lê Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuyết Mai